

# Thầy Thọ

Nghiêm Anh

**K**hi được hỏi đến các thầy tôi đã theo học năm xưa tại trường, tôi không có kỷ niệm nào thật sâu đậm. Có lẽ tại trong lớp, tôi nằm trong đám "số đông thàm lạng", không có gì nổi bật (về mặt tốt cũng như mặt xấu) để làm các thầy phải đặc biệt để ý đến, và do đó, ngược lại, tôi cũng không chú ý lắm đến các thầy cô dạy mình.

Có một thầy làm tôi nhớ đến. Đó là thầy Ngô Xuân Thọ, dạy tiếng Việt năm Terminale. Tại trường JJR môn đó được coi như một môn sinh ngữ, là môn duy nhất được giảng bằng tiếng Việt, tất cả các môn khác đều được dạy bằng tiếng Pháp. Còn một môn, Histoire du Viêt-Nam (Lịch Sử Việt Nam, 1giờ/tuần) cũng do một thầy người Việt dạy nhưng tôi không nhớ rõ được dạy bằng tiếng nào.

Là người Việt, lại học tiếng Việt như một sinh ngữ nên tôi, cũng như phần lớn các bạn, có khuynh hướng coi thường môn phụ này, vì nghĩ rằng đương nhiên chẳng cần học cũng biết, chẳng phải luyện cũng giỏi! Và vì thế, tôi sao nhãng việc trau dồi tiếng mẹ đẻ đến nỗi, có khi trong giao tiếp giữa bạn Việt Nam với nhau, phải chêm vào vài từ tiếng Pháp mới diễn đạt được ý, làm cho đôi khi bị lầm tưởng là mình hợm hĩnh, muốn khoe ta đây học trường tây! Cũng vì lý do đó mà vốn về văn hóa, lịch sử Việt Nam tôi tiếp thu được trong các năm tháng đó thật nghèo nàn. Khi tôi mới xuất ngoại du học, tôi thường bối rối mỗi khi được các bạn ngoại quốc đề cập, hỏi han tới.

Tôi quả tình không còn nhớ nhiều đã học được những gì của các thầy dạy tiếng Việt (mà thực chất là dạy Việt văn vì hình như không có chương trình cụ thể cho môn này), chỉ còn nhớ là năm đó thầy Thọ đã dành rất nhiều thời gian, có lẽ là gần hết một học kỳ, để giảng bài "Kẻ Sĩ" của Nguyễn Công Trứ. Thầy giảng đi giảng lại, bắt học thuộc lòng bài thơ dài dằng dặc này. Bài thơ khô khan, khó hiểu vì chứa đựng nhiều điển tích xưa lại còn có thêm nhiều chữ Hán rắc rối, bí hiểm làm suốt trong mấy tuần liền, cả lớp phải ngao ngán hầu như cuối cùng không còn ai ghi chép bài trong khi thầy vẫn say sưa giảng thao thao bất tuyệt, giọng sang sảng. Rồi việc gì phải đến đã đến: điểm kiểm tra của học kỳ đó thật thảm hại, ngay cả đối với các trò xuất sắc, đại đa số trong lớp chỉ đạt điểm 01/20. Cả lớp bàng hoàng đau đớn, không ai lường được hậu quả thảm khốc của một môn thường được cho là ngon ăn, kiếm điểm cao dễ dàng, vẫn hay được dùng để bù điểm cho các môn học búa khác.

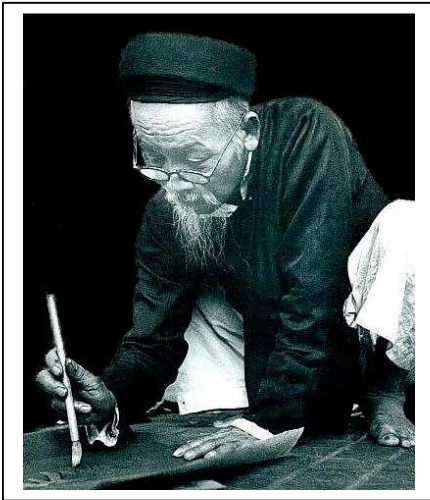
Bây giờ, 40 năm sau, nghĩ lại, tôi không chắc rằng người đau lòng và buồn nhất lúc đó là học trò, mà có lẽ chính là Thầy. Cầm bút phê vào những bài làm rỗng tuếch mà lẽ ra, nếu không tiếp thu được ý của Nguyễn Công Trứ thì ít nhất cũng phải phản ảnh được phần nào tâm tư Thầy gửi vào, chắc Thầy đã thật thất vọng vì làm khi đã đánh giá quá cao lũ trẻ tinh hoa của đất nước kia. Vì cũng phải biết rằng, "dân học trường tây" chúng ta, phần lớn xuất thân từ tầng lớp xã hội trung lưu lúc bấy giờ, thường được coi là thành phần ưu tú, sẽ là rường cột của đất nước mai sau.

Tôi không biết thầy Thọ tiếp tục dạy tại trường JJR tới khi nào, chỉ biết lúc tôi hồi hương năm 1972, khi tìm hỏi thăm đến các thầy, tôi được biết Thầy không còn ở trường nữa. Người nói Thầy bị bệnh tâm thần, thỉnh thoảng gặp đi lang thang ngoài đường phố, kẻ bảo Thầy đã vào bưng hoạt động cho phía bên kia...

Tôi chép lại dưới đây gửi các bạn bài "Kẻ Sĩ" để tưởng nhớ tới Thầy. Viết những dòng này mà lòng không khỏi thấy băng khuâng, áy náy.

**Nghiêm Anh** (promo 1964)

## Kẻ Sĩ



Tước hữu ngũ sĩ cư kỳ liệt,  
Dân hữu tứ sĩ vi chi tiên,<sup>1</sup>  
Có giang sơn thì sĩ đã có tên,  
Từ Chu Hán, vốn sĩ này là quý.

Miền hương đảng đã khen rằng hiếu nghị,  
Đạo lập thân phải giữ lấy cương thường.  
Khí hạo nhiên, chí đại chí cương,  
So chính khí đã đầy trong trời đất.

Lúc vị ngô hối tàng nơi bông tât,<sup>2</sup>  
Hiếu hiên nhiên điệu Vị, canh Sần,<sup>3</sup>  
Xe bò luân<sup>4</sup> dầu chưa gặp Thang, Văn,  
Phù thế giáo một vài câu thanh nghị.

Cầm chính đạo để tịch tà, cự bí,  
Hồi cuồng lan nhi chương bách xuyên.<sup>5</sup>  
Rông mây khi gặp hội ưa duyên  
Dem quách cả sở tồn làm sở dụng.

Trong lang miếu ra tài lương đống,  
Ngoài biên thùi rạch mũi can tương.

<sup>1</sup> Tước có năm bậc thì sĩ cũng nằm trong đó; dân có bốn nghề thì sĩ đứng đầu tiên.

<sup>2</sup> Bông tât là tên hai loài cỏ; cả câu chỉ chôn thảo đã kẻ sĩ ẩn thân lúc chưa gặp thời.

<sup>3</sup> Điệu Vị : tích Lã Vọng xưa ngồi câu trên sông Vị; canh Sần : tích Y Doãn xưa làm ruộng ở đất Sần.

<sup>4</sup> Bò luân : xe nhà vua thường dùng để đi rước người hiền về giúp nước.

<sup>5</sup> Ngăn sóng dữ để giữ gìn trăm dòng sông.

*Làm sao cho bách thế lưu phương,  
Trước là sĩ sau là khanh tướng.*

*Kinh luân khởi tâm thượng, binh giáp tàng hung trung.  
Vũ trụ chi gian giai phận sự, nam nhi đão thử thị hào hùng.<sup>6</sup>*

*Nhà nước yên mà sĩ được thung dung,  
Bấy giờ sĩ mới tìm ông Hoàng Thạch.<sup>7</sup>*

*Năm ba chú tiểu đồng léch théch,  
Tiêu dao nơi hàn cốc, thanh sơn,  
Nào thơ, nào rượu, nào địch, nào đàn,  
Đồ thích chí chất đầy trong một túi.*

*Mặc ai hỏi, mặc ai không hỏi tới,  
Gắm việc đời mà ngắm kẻ trọc thanh,  
Này này sĩ mới hoàn danh.*

**Nguyễn Công Trứ**



---

<sup>6</sup> Việc chính trị đã định sẵn trong lòng; việc giáp binh đã sắp sẵn trong bụng; việc đời đều coi là phận sự của mình; làm trai như thế mới đáng mặt hào hùng.

<sup>7</sup> Cuối đời nhà Tần, Trương Lương đi chơi ở đất Hạ Bì, đến Dị Kiều gặp ông lão (sau được tôn là Hoàng Thạch Công) trao cho quyển *Binh Thư Tam Lược* mà dặn : "Đọc kỹ sách này sau có thể bình thiên hạ". Đúng theo lời dặn của ông, Trương Lương sau này có công lớn trong việc giúp Lưu Bang lập nên nhà Hán.